



**KHẢO SÁT TỶ LỆ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CÓ VIỆC LÀM
SAU MỘT NĂM RA TRƯỜNG**

1. THÔNG TIN KHẢO SÁT:

- Thời gian khảo sát: từ ngày 22/02/2016 đến ngày 15/03/2016.
- Đối tượng khảo sát: là những sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014.
- Phương thức thực hiện: gọi điện thoại và gửi email để khảo sát theo bảng câu hỏi đã soạn thảo.
- Quy trình khảo sát: bộ phận khảo sát soạn thảo bảng câu hỏi gồm 8 câu hỏi. Từ danh sách sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014 nhận được từ bộ phận xét tốt nghiệp, bộ phận khảo sát gọi điện thoại và gửi email để thực hiện khảo sát tình trạng việc làm của các sinh viên sau khi tốt nghiệp một năm ra trường. Sau đó, bộ phận khảo sát nhập dữ liệu, lọc dữ liệu, xử lý dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo.
- Tổng số sinh viên có trả lời khảo sát: **1114**.

Khoa	Số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014
DB (Đào tạo đặc biệt)	195	7.37%
KI (Kinh tế và Luật)	393	14.86%
KK (Kế toán - Kiểm toán)	361	13.65%
KT (Xây dựng và điện)	117	4.42%
NN (Ngoại ngữ)	215	8.13%
QT (Quản trị kinh doanh)	396	14.97%
SH (Công nghệ sinh học)	173	6.54%
TC (Tài chính - Ngân hàng)	637	24.08%
TH (Công nghệ thông tin)	37	1.40%
XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	121	4.57%
Tổng cộng	2645	99.99%

- Số lượng sinh viên được khảo sát qua điện thoại là 1618 sinh viên nhưng chỉ có 1002 sinh viên có trả lời khảo sát. Còn 616 sinh viên không trả lời khảo sát vì một trong những lý do sau: đổi số điện thoại, bận không trả lời, không nghe máy, khóa máy, đi làm bỏ điện thoại ở nhà.

Khoa	Số lượng sinh viên được khảo sát qua điện thoại	Số lượng sinh viên có trả lời khảo sát qua điện thoại	Tỷ lệ sinh viên có trả lời khảo sát qua điện thoại
DB (Đào tạo đặc biệt)	113	74	7.39%
KI (Kinh tế và Luật)	227	148	14.77%
KK (Kế toán - Kiểm toán)	184	136	13.57%
KT (Xây dựng và điện)	81	44	4.39%
NN (Ngoại ngữ)	140	81	8.08%
QT (Quản trị kinh doanh)	296	150	14.97%
SH (Công nghệ sinh học)	108	66	6.59%
TC (Tài chính - Ngân hàng)	378	241	24.05%
TH (Công nghệ thông tin)	18	16	1.60%
XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	73	46	4.59%
Tổng cộng	1618	1002	100.00%

- Số lượng sinh viên được khảo sát qua email là 500 sinh viên nhưng tính đến ngày 15/03/2016 chỉ có 96 sinh viên có trả lời khảo sát.

Khoa	Số lượng sinh viên được khảo sát qua email	Số lượng sinh viên có trả lời khảo sát qua email	Tỷ lệ sinh viên có trả lời khảo sát qua email
DB (Đào tạo đặc biệt)	40	7	7.29%
KI (Kinh tế và Luật)	80	15	15.63%
KK (Kế toán - Kiểm toán)	70	10	10.42%
KT (Xây dựng và điện)	25	9	9.38%
NN (Ngoại ngữ)	40	10	10.42%
QT (Quản trị kinh doanh)	75	12	12.50%
SH (Công nghệ sinh học)	35	5	5.21%
TC (Tài chính - Ngân hàng)	100	21	21.88%
TH (Công nghệ thông tin)	10	0	0.00%
XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	25	7	7.29%
Tổng cộng	500	96	100.02%

- Khảo sát qua điện thoại: bộ phận khảo sát cố gắng gọi đủ số lượng để tỷ lệ sinh viên có trả lời khảo sát qua điện thoại gần bằng với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014.
- Khảo sát qua email: phụ thuộc vào số lượng sinh viên trả lời. Khoa Công nghệ thông tin có số lượng sinh viên có trả lời khảo sát qua email bằng 0. Do đó, tiến hành khảo sát qua điện thoại tất cả 19 sinh viên còn lại của khoa Công nghệ thông tin (số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014 của khoa Công nghệ thông tin là 37 sinh viên: đã khảo sát qua điện thoại 18 sinh viên nhưng chỉ có 16 sinh viên trả lời nên còn 19 sinh viên): 16 sinh viên có trả lời, 2 sinh viên không liên lạc được và 1 sinh viên không có số điện thoại di động nên không liên lạc được.

Như vậy:

- ✓ Số lượng sinh viên có trả lời khảo sát qua điện thoại là: 1018 sinh viên.
- ✓ Số lượng sinh viên có trả lời khảo sát qua email là: 96 sinh viên.

Khoa	Số lượng sinh viên có trả lời khảo sát qua điện thoại	Số lượng sinh viên có trả lời khảo sát qua email	Tổng số sinh viên có trả lời khảo sát
DB (Đào tạo đặc biệt)	74	7	81
KI (Kinh tế và Luật)	148	15	163
KK (Kế toán - Kiểm toán)	136	10	146
KT (Xây dựng và điện)	44	9	53
NN (Ngoại ngữ)	81	10	91
QT (Quản trị kinh doanh)	150	12	162
SH (Công nghệ sinh học)	66	5	71
TC (Tài chính - Ngân hàng)	241	21	262
TH (Công nghệ thông tin)	16 + 16 = 32	0	32
XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	46	7	53
Tổng cộng	1018	96	1114

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT:

2.1. Tình hình việc làm của sinh viên:

Tình hình việc làm của sinh viên	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ khảo sát năm 2016 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014)	Tỷ lệ khảo sát năm 2014 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp năm 2013)
Có việc làm	1036	93.00%	87%
Chưa có việc làm	78	7.00%	13%
Tổng cộng	1114	100.00%	100%

- Đa số sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp một năm ra trường chiếm tỷ lệ 93.00%.
- Số lượng sinh viên chưa có việc làm sau khi tốt nghiệp một năm ra trường chiếm tỷ lệ 7.00%.
- Khoa Xây dựng và điện có tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp một năm ra trường cao nhất 98.11%.
- Khoa Xã hội học – Công tác xã hội – Đông Nam Á học có tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp một năm ra trường thấp nhất 84.91%, kể đến là khoa Kinh tế và Luật chiếm tỷ lệ 88.34% và khoa Công nghệ sinh học chiếm tỷ lệ 90.14%.

Khoa	Khảo sát năm 2016 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014)				Khảo sát năm 2014 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp năm 2013)	Chênh lệch tỷ lệ sinh viên có việc làm
	Số lượng sinh viên có việc làm	Tỷ lệ sinh viên có việc làm	Số lượng sinh viên chưa có việc làm	Tỷ lệ sinh viên chưa có việc làm	Tỷ lệ sinh viên có việc làm	
DB (Đào tạo đặc biệt)	78	96.30%	3	3.70%	96%	0.30%
KI (Kinh tế và Luật)	144	88.34%	19	11.66%	90%	-1.66%
KK (Kế toán – kiểm toán)	140	95.89%	6	4.11%	84%	11.89%
(Xây dựng và điện)	52	98.11%	1	1.89%	88%	10.11%
(Ngoại ngữ)	88	96.70%	3	3.30%	92%	4.70%
QT (Quản trị kinh doanh)	154	95.06%	8	4.94%	96%	-0.94%
SH (Công nghệ sinh học)	64	90.14%	7	9.86%	80%	10.14%
TC (Tài chính – Ngân hàng)	242	92.37%	20	7.63%	82%	10.37%
TH (Công nghệ thông tin)	29	90.63%	3	9.38%	86%	4.63%
XH (Xã hội học – Công tác xã hội – Đông Nam Á học)	45	84.91%	8	15.09%	72%	12.91%
Tổng cộng	1036	93.00%	78	7.00%		

2.2. Thời gian tìm được việc làm:

Thời gian tìm được việc làm	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ khảo sát năm 2016 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014)	Tỷ lệ khảo sát năm 2014 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp năm 2013)
Có việc làm trước khi tốt nghiệp	361	34.85%	31%
Trong vòng 1 tháng	188	18.15%	39%
Từ 2 đến 3 tháng	200	19.31%	
Từ 3 đến 6 tháng	144	13.90%	21%
Trên 6 tháng	143	13.80%	9%
Tổng cộng	1036	100.00%	100%

- Đại đa số sinh viên tìm được việc làm dưới 6 tháng chiếm tỷ lệ 86.21%, cụ thể:
 - ✓ Có việc làm trước khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ 34.85%.
 - ✓ Trong vòng 1 tháng chiếm tỷ lệ 18.15%.
 - ✓ Từ 2 đến 3 tháng chiếm tỷ lệ 19.31%.
 - ✓ Từ 3 đến 6 tháng chiếm tỷ lệ 13.90%.
- Khoa Ngoại ngữ có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trước khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất 63.64%.
- Khoa Kế toán – kiểm toán có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trong vòng 1 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 25.71%.
- Khoa Công nghệ thông tin có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm từ 2 đến 3 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 27.59%.
- Khoa Tài chính – Ngân hàng có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm từ 3 đến 6 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 20.66%.
- Khoa Công nghệ sinh học có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trên 6 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 31.25%.

Khoa	Số lượng sinh viên tìm được việc làm trước khi tốt nghiệp	Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trước khi tốt nghiệp	Số lượng sinh viên tìm được việc làm trong vòng 1 tháng	Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trong vòng 1 tháng	Số lượng sinh viên tìm được việc làm từ 2 đến 3 tháng	Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm từ 2 đến 3 tháng	Số lượng sinh viên tìm được việc làm từ 3 đến 6 tháng	Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm từ 3 đến 6 tháng	Số lượng sinh viên tìm được việc làm trên 6 tháng	Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trên 6 tháng	Tổng cộng
DB (Đào tạo đặc biệt)	23	29.49%	12	15.38%	21	26.92%	7	8.97%	15	19.23%	78
KI (Kinh tế và Luật)	47	32.64%	26	18.06%	25	17.36%	22	15.28%	24	16.67%	144
KK (Kế toán – kiểm toán)	38	27.14%	36	25.71%	30	21.43%	15	10.71%	21	15.00%	140
KT (Xây dựng và điện)	20	38.46%	12	23.08%	8	15.38%	7	13.46%	5	9.62%	52
NN (Ngoại ngữ)	56	63.64%	13	14.77%	8	9.09%	6	6.82%	5	5.68%	88
QT (Quản trị kinh doanh)	70	45.45%	34	22.08%	25	16.23%	14	9.09%	11	7.14%	154
SH (Công nghệ sinh học)	12	18.75%	6	9.38%	13	20.31%	13	20.31%	20	31.25%	64
TC (Tài chính – Ngân hàng)	63	26.03%	39	16.12%	57	23.55%	50	20.66%	33	13.64%	242
TH (Công nghệ thông tin)	12	41.38%	4	13.79%	8	27.59%	2	6.90%	3	10.34%	29
XH (Xã hội học – Công tác xã hội – Đông Nam Á học)	20	44.44%	6	13.33%	5	11.11%	8	17.78%	6	13.33%	45
Tổng cộng	361	34.85%	188	18.15%	200	19.31%	144	13.90%	143	13.80%	1036

2.3. Làm việc trong đơn vị thuộc thành phần kinh tế:

Làm việc trong đơn vị thuộc thành phần kinh tế	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ khảo sát năm 2016 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014)
Tự kinh doanh	45	4.34%
Doanh nghiệp tư nhân	675	65.15%
Cơ quan nhà nước	134	12.93%
Tổ chức nước ngoài	173	16.70%
Thành phần kinh tế khác	9	0.87%
Tổng cộng	1036	100.00%

Làm việc trong đơn vị thuộc thành phần kinh tế	Tỷ lệ khảo sát năm 2014 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp năm 2013)
Tự kinh doanh	2%
Doanh nghiệp tư nhân	71%
Cơ quan nhà nước	9%
Doanh nghiệp nhà nước	16%
Khác	1%
Tổng cộng	100%

- Sau khi tốt nghiệp một năm ra trường, sinh viên các khoa chủ yếu làm việc trong doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ 65.15%. Kế đến, sinh viên làm việc trong tổ chức nước ngoài chiếm tỷ lệ 16.70%, cơ quan nhà nước chiếm tỷ lệ 12.93%, sinh viên tự kinh doanh chiếm tỷ lệ 4.34% và làm việc trong thành phần kinh tế khác chiếm tỷ lệ rất thấp 0.87%.

Khoa	Số lượng sinh viên tự kinh doanh	Tỷ lệ sinh viên tự kinh doanh	Số lượng sinh viên làm việc trong doanh nghiệp tư nhân	Tỷ lệ sinh viên làm việc trong doanh nghiệp tư nhân	Số lượng sinh viên làm việc trong cơ quan nhà nước	Tỷ lệ sinh viên làm việc trong cơ quan nhà nước	Số lượng sinh viên làm việc trong tổ chức nước ngoài	Tỷ lệ sinh viên làm việc trong tổ chức nước ngoài	Số lượng sinh viên làm việc trong thành phần kinh tế khác	Tỷ lệ sinh viên làm việc trong thành phần kinh tế khác	Tổng cộng
DB (Đào tạo đặc biệt)	2	2.56%	50	64.10%	7	8.97%	19	24.36%	0	0.00%	78
KI (Kinh tế và Luật)	2	1.39%	87	60.42%	40	27.78%	15	10.42%	0	0.00%	144
KK (Kế toán – kiểm toán)	7	5.00%	96	68.57%	17	12.14%	19	13.57%	1	0.71%	140
KT (Xây dựng và điện)	2	3.85%	42	80.77%	1	1.92%	7	13.46%	0	0.00%	52
NN (Ngoại ngữ)	1	1.14%	42	47.73%	10	11.36%	34	38.64%	1	1.14%	88
QT (Quản trị kinh doanh)	9	5.84%	109	70.78%	8	5.19%	26	16.88%	2	1.30%	154
SH (Công nghệ sinh học)	3	4.69%	48	75.00%	7	10.94%	6	9.38%	0	0.00%	64
TC (Tài chính – Ngân hàng)	16	6.61%	153	63.22%	36	14.88%	32	13.22%	5	2.07%	242
TH (Công nghệ thông tin)	1	3.45%	17	58.62%	4	13.79%	7	24.14%	0	0.00%	29
XH (Xã hội học – Công tác xã hội – Đông Nam Á học)	2	4.44%	31	68.89%	4	8.89%	8	17.78%	0	0.00%	45
Tổng cộng	45	4.34%	675	65.15%	134	12.93%	173	16.70%	9	0.87%	1036

2.4. Mức thu nhập bình quân/tháng:

Mức thu nhập bình quân/tháng	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ khảo sát năm 2016 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014)	Tỷ lệ khảo sát năm 2014 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp năm 2013)	Chênh lệch tỷ lệ khảo sát
Dưới 5 triệu	211	20.37%	41%	-20.63%
Từ 5 đến 7 triệu	578	55.79%	53%	21.03%
Từ 8 đến 10 triệu	189	18.24%		
Từ 11 đến 15 triệu	43	4.15%	5%	-0.85%
Trên 15 triệu	15	1.45%	1%	0.45%
Tổng cộng	1036	100.00%	100%	0%

- Sau khi tốt nghiệp một năm ra trường, sinh viên có mức thu nhập từ 5 đến 7 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 55.79%. Kế đến, sinh viên có mức thu nhập dưới 5 triệu chiếm tỷ lệ 20.37%, từ 8 đến 10 triệu chiếm tỷ lệ 18.24%, từ 11 đến 15 triệu chiếm tỷ lệ 4.15% và trên 15 triệu chiếm tỷ lệ rất thấp 1.45%.
- Sinh viên khoa Đào tạo đặc biệt có mức thu nhập trên 15 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 6.41%.
- Sinh viên khoa Xây dựng và điện có mức thu nhập từ 11 đến 15 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 17.31%.
- Sinh viên khoa Công nghệ thông tin có mức thu nhập từ 8 đến 10 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 34.48%.
- Sinh viên khoa Kế toán – kiểm toán có mức thu nhập từ 5 đến 7 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 67.14%. Sinh viên khoa Xã hội học Công tác xã hội Đông Nam Á học có mức thu nhập dưới 5 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 40.00%.

Khoa	Số lượng sinh viên có mức thu nhập dưới 5 triệu	Tỷ lệ sinh viên có mức thu nhập dưới 5 triệu	Số lượng sinh viên có mức thu nhập từ 5 đến 7 triệu	Tỷ lệ sinh viên có mức thu nhập từ 5 đến 7 triệu	Số lượng sinh viên có mức thu nhập từ 8 đến 10 triệu	Tỷ lệ sinh viên có mức thu nhập từ 8 đến 10 triệu	Số lượng sinh viên có mức thu nhập từ 11 đến 15 triệu	Tỷ lệ sinh viên có mức thu nhập từ 11 đến 15 triệu	Số lượng sinh viên có mức thu nhập trên 15 triệu	Tỷ lệ sinh viên có mức thu nhập trên 15 triệu	Tổng cộng
DB (Đào tạo đặc biệt)	4	5.13%	39	50.00%	26	33.33%	4	5.13%	5	6.41%	78
KI (Kinh tế và Luật)	52	36.11%	69	47.92%	14	9.72%	6	4.17%	3	2.08%	144
KK (Kế toán – kiểm toán)	31	22.14%	94	67.14%	14	10.00%	1	0.71%	0	0.00%	140
KT (Xây dựng và điện)	2	3.85%	23	44.23%	16	30.77%	9	17.31%	2	3.85%	52
NN (Ngoại ngữ)	11	12.50%	47	53.41%	24	27.27%	5	5.68%	1	1.14%	88
QT (Quản trị kinh doanh)	23	14.94%	89	57.79%	31	20.13%	8	5.19%	3	1.95%	154
SH (Công nghệ sinh học)	19	29.69%	39	60.94%	4	6.25%	2	3.13%	0	0.00%	64
TC (Tài chính – Ngân hàng)	49	20.25%	144	59.50%	43	17.77%	5	2.07%	1	0.41%	242
TH (Công nghệ thông tin)	2	6.90%	15	51.72%	10	34.48%	2	6.90%	0	0.00%	29
XH (Xã hội học – Công tác xã hội – Đông Nam Á học)	18	40.00%	19	42.22%	7	15.56%	1	2.22%	0	0.00%	45
Tổng cộng	211	20.37%	578	55.79%	189	18.24%	43	4.15%	15	1.45%	1036

2.5. Mức độ phù hợp của công việc so với ngành học:

Mức độ phù hợp của công việc so với ngành học	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ khảo sát năm 2016 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2014)	Tỷ lệ khảo sát năm 2014 (Đối tượng khảo sát: sinh viên tốt nghiệp năm 2013)
Không phù hợp	210	20.27%	21%
Phù hợp ít	127	12.26%	13%
Phù hợp trung bình	218	21.04%	16%
Khá phù hợp	296	28.57%	24%
Hoàn toàn phù hợp	185	17.86%	26%
Tổng cộng	1036	100.00%	100%

- Nhìn chung, sinh viên có công việc phù hợp với ngành học đã học tại trường từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 67.47%, cụ thể:
 - ✓ Hoàn toàn phù hợp chiếm tỷ lệ 17.86%.
 - ✓ Khá phù hợp chiếm tỷ lệ 28.57%.
 - ✓ Phù hợp trung bình chiếm tỷ lệ 21.04%.
- Sinh viên khoa Kế toán – kiểm toán có công việc hoàn toàn phù hợp với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 32.14%. Kế đến là sinh viên khoa Ngoại ngữ chiếm tỷ lệ 29.55%.
- Sinh viên khoa Xây dựng và điện có công việc khá phù hợp với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 42.31%. Kế đến là sinh viên khoa Ngoại ngữ chiếm tỷ lệ 37.50%.
- Sinh viên khoa Kế toán – kiểm toán có công việc phù hợp trung bình với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 25.00%. Kế đến là sinh viên khoa Công nghệ thông tin chiếm tỷ lệ 24.14%.
- Sinh viên khoa Quản trị kinh doanh có công việc phù hợp ít với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 18.83%.
- Sinh viên khoa Công nghệ sinh học có công việc không phù hợp với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 42.19%. Điều này hoàn toàn phù hợp vì khoa Công nghệ sinh học có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trên 6 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 31.25% và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp một năm ra trường là 90.14%.

	Số lượng sinh viên có công việc không phù hợp với ngành học	Tỷ lệ sinh viên có công việc không phù hợp với ngành học	Số lượng sinh viên có công việc phù hợp ít với ngành học	Tỷ lệ sinh viên có công việc phù hợp ít với ngành học	Số lượng sinh viên có công việc phù hợp trung bình với ngành học	Tỷ lệ sinh viên có công việc phù hợp trung bình với ngành học	Số lượng sinh viên có công việc khá phù hợp với ngành học	Tỷ lệ sinh viên có công việc khá phù hợp với ngành học	Số lượng sinh viên có công việc hoàn toàn phù hợp với ngành học	Tỷ lệ sinh viên có công việc hoàn toàn phù hợp với ngành học	Tổng cộng
DB (Đào tạo đặc biệt)	24	30.77%	7	8.97%	16	20.51%	21	26.92%	10	12.82%	78
KI (Kinh tế và Luật)	34	23.61%	19	13.19%	33	22.92%	35	24.31%	23	15.97%	144
KK (Kế toán – kiểm toán)	10	7.14%	11	7.86%	35	25.00%	39	27.86%	45	32.14%	140
KT (Xây dựng và điện)	6	11.54%	2	3.85%	10	19.23%	22	42.31%	12	23.08%	52
NN (Ngoại ngữ)	5	5.68%	6	6.82%	18	20.45%	33	37.50%	26	29.55%	88
QT (Quản trị kinh doanh)	25	16.23%	29	18.83%	33	21.43%	53	34.42%	14	9.09%	154
SH (Công nghệ sinh học)	27	42.19%	8	12.50%	13	20.31%	11	17.19%	5	7.81%	64
TC (Tài chính – Ngân hàng)	63	26.03%	33	13.64%	43	17.77%	63	26.03%	40	16.53%	242
TH (Công nghệ thông tin)	0	0.00%	5	17.24%	7	24.14%	10	34.48%	7	24.14%	29
XH (Xã hội học – Công tác xã hội – Đông Nam Á học)	16	35.56%	7	15.56%	10	22.22%	9	20.00%	3	6.67%	45
Tổng cộng	210	20.27%	127	12.26%	218	21.04%	296	28.57%	185	17.86%	1036

2.6. Để làm việc hiện tại bạn có phải học bổ sung kiến thức gì không ?

Học bổ sung kiến thức	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ
Có	635	61.29%
Không	401	38.71%
Tổng cộng	1036	100.00%

- Sau khi tốt nghiệp một năm ra trường, 61.29% sinh viên phải học bổ sung kiến thức để đáp ứng công việc hiện tại. Điều này hoàn toàn phù hợp với mức độ phù hợp của công việc so với ngành học tại mục 2.5, cụ thể:
 - ✓ Công việc không phù hợp với ngành học chiếm tỷ lệ 20.27%.
 - ✓ Công việc phù hợp ít với ngành học chiếm tỷ lệ 12.26%.

2.7. Bạn có đang học tiếp không ?

Học tiếp	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ
Có	78	7.53%
Không	958	92.47%
Tổng cộng	1036	100.00%

- Sau khi tốt nghiệp một năm ra trường, 92.47% sinh viên không học tiếp cao học hoặc văn bằng hai. Chỉ có 7.53% sinh viên học tiếp.

2.8. Nếu có, bạn đang học:

Chương trình học	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ
Cao học	49	62.82%
Văn bằng hai	29	37.18%
Tổng cộng	78	100.00%

- Sau khi tốt nghiệp một năm ra trường, có 49 sinh viên học tiếp cao học chiếm tỷ lệ 62.82% và 29 sinh viên học tiếp văn bằng hai chiếm tỷ lệ 37.18%.

KẾT LUẬN:

- Sau khi tốt nghiệp một năm ra trường, đa số sinh viên đều có việc làm chiếm tỷ lệ 93.00%.
- Đa số sinh viên tìm được việc làm dưới 6 tháng chiếm tỷ lệ 86.21%.
- Sinh viên các khoa chủ yếu làm việc trong doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ 65.15%.
- Sinh viên có mức thu nhập từ 5 đến 7 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 55.79%.
- Sinh viên có công việc phù hợp với ngành học đã học tại trường từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 67.47%.
- Có 61.29% sinh viên phải học bổ sung kiến thức để đáp ứng công việc hiện tại.
- Có 78 sinh viên học tiếp, cụ thể:
 - ✓ 49 sinh viên học tiếp cao học chiếm tỷ lệ 62.82%.
 - ✓ 29 sinh viên học tiếp văn bằng hai chiếm tỷ lệ 37.18%.

Trưởng phòng Quản lý đào tạo



Nguyễn Minh Hà

Người viết báo cáo



Huỳnh Gia Xuyên